

GB		
分區	代號	人數
大埔	TP	4
屯門	TM	4
何文田	HMT	6
沙田	ST	2
柴灣	CW	4
荃灣	TW	3
灣仔	WC	6
觀塘	KT	3
總數		32

女B賽事：2017.12.10(日)一天賽完。

每小組首名出線

女B-A組	
1	陳曉嵐 TP
2	林宛悠 CW
3	KHUSHI HMT
4	趙悅琳 ST
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	GB-A1	10-Dec	12:10	陳曉嵐 TP	vs	趙悅琳 ST
2-3	GB-A2	10-Dec	12:10	林宛悠 CW	vs	KHUSHI HMT
1-3	GB-A3	10-Dec	14:15	陳曉嵐 TP	vs	KHUSHI HMT
2-4	GB-A4	10-Dec	14:15	林宛悠 CW	vs	趙悅琳 ST
1-2	GB-A5	10-Dec	15:05	陳曉嵐 TP	vs	林宛悠 CW
3-4	GB-A6	10-Dec	15:05	KHUSHI HMT	vs	趙悅琳 ST

女B-B組	
1	李穎欣 WC
2	蔣綽薇 HMT
3	劉穎蕎 TM
0	黃詠萱 TW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	GB-B1	10-Dec	12:10	李穎欣 WC	vs	黃詠萱 TW
2-3	GB-B2	10-Dec	12:10	蔣綽薇 HMT	vs	劉穎蕎 TM
1-3	GB-B3	10-Dec	14:15	李穎欣 WC	vs	劉穎蕎 TM
2-4	GB-B4	10-Dec	14:15	蔣綽薇 HMT	vs	黃詠萱 TW
1-2	GB-B5	10-Dec	15:05	李穎欣 WC	vs	蔣綽薇 HMT
3-4	GB-B6	10-Dec	15:05	劉穎蕎 TM	vs	黃詠萱 TW

女B-C組	
1	張敏芝 HMT
2	符加蔚 WC
3	吳小汶 TW
4	陳荷年 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	GB-C1	10-Dec	12:10	張敏芝 HMT	vs	陳荷年 TP
2-3	GB-C2	10-Dec	12:10	符加蔚 WC	vs	吳小汶 TW
1-3	GB-C3	10-Dec	14:15	張敏芝 HMT	vs	吳小汶 TW
2-4	GB-C4	10-Dec	14:15	符加蔚 WC	vs	陳荷年 TP
1-2	GB-C5	10-Dec	15:05	張敏芝 HMT	vs	符加蔚 WC
3-4	GB-C6	10-Dec	15:05	吳小汶 TW	vs	陳荷年 TP

女B-D組	
1	陳樂恩 KT
2	曹敏盈 CW
3	陳嬉垣 WC
4	蔡善同 TM
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	GB-D1	10-Dec	12:10	陳樂恩 KT	vs	蔡善同 TM
2-3	GB-D2	10-Dec	12:10	曹敏盈 CW	vs	陳嬉垣 WC
1-3	GB-D3	10-Dec	14:15	陳樂恩 KT	vs	陳嬉垣 WC
2-4	GB-D4	10-Dec	14:15	曹敏盈 CW	vs	蔡善同 TM
1-2	GB-D5	10-Dec	15:05	陳樂恩 KT	vs	曹敏盈 CW
3-4	GB-D6	10-Dec	15:05	陳嬉垣 WC	vs	蔡善同 TM

女B-E組	
1	徐珮瑜 KT
2	黃寶楠 HMT
3	梅旨彤 TM
4	TANYA WC
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	GB-E1	10-Dec	12:10	徐珮瑜 KT	vs	TANYA WC
2-3	GB-E2	10-Dec	12:10	黃寶楠 HMT	vs	梅旨彤 TM
1-3	GB-E3	10-Dec	14:15	徐珮瑜 KT	vs	梅旨彤 TM
2-4	GB-E4	10-Dec	14:15	黃寶楠 HMT	vs	TANYA WC
1-2	GB-E5	10-Dec	15:30	徐珮瑜 KT	vs	黃寶楠 HMT
3-4	GB-E6	10-Dec	15:30	梅旨彤 TM	vs	TANYA WC

女B-F組	
1	凌瑋欣 WC
2	何思樂 HMT
3	黃曦文 CW
4	文慧研 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	GB-F1	10-Dec	12:35	凌瑋欣 WC	vs	文慧研 TP
2-3	GB-F2	10-Dec	12:35	何思樂 HMT	vs	黃曦文 CW
1-3	GB-F3	10-Dec	14:40	凌瑋欣 WC	vs	黃曦文 CW
2-4	GB-F4	10-Dec	14:40	何思樂 HMT	vs	文慧研 TP
1-2	GB-F5	10-Dec	15:30	凌瑋欣 WC	vs	何思樂 HMT
3-4	GB-F6	10-Dec	15:30	黃曦文 CW	vs	文慧研 TP

女B-G組	
1	何韻玲 CW
2	陳凱桐 WC
3	符嘉瑩 ST
4	梅亦彤 TM
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	GB-G1	10-Dec	12:35	何韻玲 CW	vs	梅亦彤 TM
2-3	GB-G2	10-Dec	12:35	陳凱桐 WC	vs	符嘉瑩 ST
1-3	GB-G3	10-Dec	14:40	何韻玲 CW	vs	符嘉瑩 ST
2-4	GB-G4	10-Dec	14:40	陳凱桐 WC	vs	梅亦彤 TM
1-2	GB-G5	10-Dec	15:30	何韻玲 CW	vs	陳凱桐 WC
3-4	GB-G6	10-Dec	15:30	符嘉瑩 ST	vs	梅亦彤 TM

女B-H組	
1	邱沛霖 KT
2	何愷瑩 HMT
3	尹海茵 TP
4	陳敏祺 TW
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	GB-H1	10-Dec	12:35	邱沛霖 KT	vs	陳敏祺 TW
2-3	GB-H2	10-Dec	12:35	何愷瑩 HMT	vs	尹海茵 TP
1-3	GB-H3	10-Dec	14:40	邱沛霖 KT	vs	尹海茵 TP
2-4	GB-H4	10-Dec	14:40	何愷瑩 HMT	vs	陳敏祺 TW
1-2	GB-H5	10-Dec	15:30	邱沛霖 KT	vs	何愷瑩 HMT
3-4	GB-H6	10-Dec	15:30	尹海茵 TP	vs	陳敏祺 TW